

Bản án số: 93/2024/HS-ST  
Ngày 10/7/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thông  
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2024/TLHS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Minh P**; giới tính: nam; tên gọi khác: không. Sinh ngày 21 tháng 02 năm 1996, tại: T, Quảng Nam; Nơi thường trú + chỗ ở hiện tại: Khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Đỗ Hữu C (sinh năm 1964), con bà: Trần Thị Thu V (sinh năm 1965), cùng trú: Khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Gia đình bị cáo có 03 người con, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/3/2024 bị Trưởng Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2023, chuyển tạm giam ngày 05/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Có mặt.

2. Họ và tên: **Triệu Thị M**; giới tính: nữ; tên gọi khác: không. Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1988, tại: N, Khánh Hòa; Nơi thường trú: thôn T, xã C, huyện

M, tỉnh Đắk Lắk. Nơi tạm trú: nhà trọ 51/23 đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Triệu Hữu C1 (sinh năm 1966), trú: thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; con bà: Triệu Thị P1 (chết). Gia đình bị cáo có 05 người con, bị cáo là con đầu. Bị cáo có chồng là Nguyễn Trung T (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2009 (sống cùng cha).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/3/2024 bị Trưởng Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2023, chuyển tạm giam ngày 05/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị M:** ông Nguyễn Trí B, là trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1971, địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Đỗ Minh Đ, sinh năm: 2002, địa chỉ: 1 T, khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào tối ngày 26/12/2023, Đỗ Minh P điều khiển xe máy Sirius BKS: 92N1-360.61 đến ngã tư T - N, thành phố T mua 01 gói ma túy đá (đựng trong túi ni lông) với giá 1.400.000đ của một người tên T1 (không rõ lai lịch). Mua được ma túy, P cất gói ma túy cùng 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cân tiểu ly điện tử vào túi áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe máy đến phòng của bạn gái là Triệu Thị M tại phòng số 02, nhà trọ số E đường T, khối phố M, phường A, thành phố T. Khi P đến phòng trọ thì M đang ngủ, P gọi cửa và được M mở cửa cho P vào phòng. P lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để xuống dưới bàn nhựa, lấy gói ma túy đá cùng cân điện tử để lên trên bàn nhựa trong phòng của M rồi lên giường nằm ngủ cùng M.

Khoảng 12 giờ ngày 27/12/2023, P và M thức dậy. Lúc này, P rủ M sử dụng ma túy đá, M đồng ý. P lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để lên trên bàn nhựa trong phòng trọ của M rồi lấy gói ma túy đá nêu trên đổ một ít vào nỏ thủy tinh. Phát ngòi trên giường dùng bật lửa đốt nỏ thủy tinh cho ma túy đá bay hơi rồi ngậm ống hút vào miệng hút ma túy đá. P hút xong 01 hơi thì chuyển ống hút cho M ngồi trên ghế nhựa hút ma túy đá. P và M thay nhau sử dụng ma túy đá, mỗi người hút được khoảng 03 đến 04 hơi thì nghỉ. Lúc này, M lên giường nằm xem điện thoại còn P ngồi lên ghế nhựa phân chia ma túy đá còn lại trong túi ni lông nêu trên, bằng cách lấy một ít ma túy đá trong túi ni lông cho vào 04 đoạn ống hút nhựa cắt ngắn mang theo rồi dùng bật lửa hàn kín hai đầu thành 04 gói nhỏ, số ma túy đá còn lại P để trong túi ni lông. Múi nhìn thấy P phân chia ma túy đá thì hỏi

“bỏ vào cái đó làm gì vậy”, P nói làm vậy cho khỏi ướt. Sau khi phân chia, toàn bộ số ma túy đá (gồm 04 gói nhỏ và 01 túi ni lông) nêu trên Phát để trên bàn nhựa bên cạnh giường M đang nằm, M không có ý kiến gì. Sau đó, P ngồi chơi game trên điện thoại.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 tiếp tục liên lạc đến điện thoại Iphone 11 Pro gắn sim số 0876711171 của P hỏi có lấy thêm “đồ” (ma túy đá) không. P nói có và nói T1 bán thêm cho P 01 gói ma túy đá giá 2.200.000 đồng. T1 đồng ý và hẹn P đến khu vực ngã ba đường T - L, phường A, thành phố T để giao dịch mua bán ma túy. P không nói cho M biết nội dung trên, một mình P điều khiển xe máy BKS: 92N1 - 360.60 đến điểm hẹn gặp và đưa cho T1 2.200.000 đồng, T1 đưa cho P 01 gói ma túy đá. Phát cất gói ma túy đá mua được vào trong tay áo khoác bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy BKS: 92N1 - 360.60 về lại phòng trọ của M. Khi P vừa về đến phòng trọ của M thì bị tổ công tác Công an thành phố T phát hiện bắt quả tang.

Qua làm việc, Đỗ Minh P và Triệu Thị M khai nhận: vào trưa ngày 27/12/2023, P và M có sử dụng ma túy đá trong phòng trọ số 2 do M thuê và hiện còn cất giữ ma túy đá trong phòng trọ số 2. Tiến hành kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trong tay áo bên trái Đỗ Minh P đang mặc có 01 gói ni lông đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng; phát hiện trên bàn nhựa trong phòng trọ số 2 có 01 túi ni lông đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 04 gói ni lông nhỏ đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng; phát hiện dưới bàn nhựa trong phòng trọ số 2 có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 bình nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh, trong nỏ thủy tinh có bám dính chất rắn màu nâu. Tiến hành thử mẫu nhanh, cân khối lượng xác định: chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong túi ni lông phát hiện trong tay áo bên trái P đang mặc nêu trên là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 3,91 gam; chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong túi ni lông phát hiện trên bàn trong phòng trọ số 2 nêu trên là chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 1,22 gam; chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 04 gói ni lông nhỏ phát hiện trên bàn trong phòng trọ số 2 nêu trên là chất ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,35 gam. Đỗ Minh P trình bày toàn bộ số ma túy nêu trên là của P cất giữ nhằm mục đích sử dụng. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đỗ Minh P về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; đối với Triệu Thị M về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Triệu Thị M tại phòng trọ số 02, nhà trọ số E đường T, khối phố M, phường A, thành phố T. Cơ quan CSĐT Công an thành phố T phát hiện tạm giữ tại bàn nhựa: 01 cân tiêu ly điện tử; 02 bật lửa; 03 đoạn ống hút nhựa màu trắng.

Ngoài ra, Triệu Thị M tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, gắn sim số 0333382461 và 0769557563 để phục vụ điều tra.

Tại Cơ quan Công an Đỗ Minh P, Triệu Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được. Kết quả test ma túy xác định P, M dương tính với Methamphetamine (ma túy đá).

*\* Tạm giữ đồ vật, tài liệu:*

- 01 (một) gói ni lông đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng phát hiện trên tay áo bên trái Đỗ Minh P đang mặc.

- 01 (một) túi ni lông đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng phát hiện trên bàn nhựa trong phòng trọ số 2.

- 04 (bốn) gói ni lông đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng phát hiện trên bàn nhựa trong phòng trọ số 2 (đã cho vào 01 túi ni lông sau khi cân thử mẫu).

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 bình thủy tinh, 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh.

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, vỏ màu đen có gắn sim 087671117 của Đỗ Minh P.

- Tiền Việt Nam 3.600.000 đồng của Đỗ Minh P.

- 01 (một) xe máy hiệu Sirius, biển số 92N1-360.61.

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử.

- 02 (hai) bật lửa gas.

- 03 (ba) đoạn ống hút nhựa màu trắng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, gắn sim số 0333382461 và 0769557563 của Triệu Thị M.

Tại Kết luận giám định số 25/KL-KTHS(MT) ngày 02/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng được chứa trong 03 (ba) túi ni lông không màu gửi giám định (*chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong gói ni lông phát hiện trong tay áo khoác của Đỗ Minh P - mẫu ký hiệu A1; chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong gói ni lông phát hiện trên bàn nhựa của M - mẫu ký hiệu A2; chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 04 gói ni lông phát hiện trên bàn nhựa của M được cho chung vào một túi ni lông - mẫu ký hiệu A3*) là ma túy, loại Methamphetamine. Trong đó:

+ Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng là 3,902g (ba phẩy chín trăm lẻ hai gam).

+ Mẫu ký hiệu A2 có khối lượng là 1,257g (một phẩy hai trăm năm mươi bảy gam).

+ Mẫu ký hiệu A3 có khối lượng là 0,352g (không phẩy ba trăm năm mươi hai gam).

- Chất rắn màu nâu bám dính bên trong 01 (một) nỏ thủy tinh gửi giám định (mẫu ký hiệu A4) là ma túy, loại Methamphetamine.

Do lượng chất bám dính trên mẫu vật quá ít nên không thể xác định được khối lượng của chất bám dính.

Trên các mẫu vật gửi giám định gồm: 01 (một) bình nhựa (mẫu ký hiệu A5) và 01 (một) ống hút nhựa (mẫu ký hiệu A6) tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine (dạng vết).

(Ghi chú: “dạng vết” nghĩa là lượng Methamphetamine trên mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp, do đó không xác định được khối lượng Methamphetamine có trên mẫu).

Methamphetamine là chất ma túy có số thứ tự 247, Mục IIC, Danh mục II; Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định về danh mục các chất ma túy.

Cáo trạng số 84/CT-VKSTK-HS ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo **Đỗ Minh P** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS và bị cáo **Triệu Thị M** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Đỗ Minh P** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS và bị cáo **Triệu Thị M** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS, áp dụng:

+ Bị cáo **Đỗ Minh P**: điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

+ Bị cáo **Triệu Thị M**: điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Thống nhất với tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự của kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo. Tuy

nhiên, mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là quá cao. Bị cáo là dân tộc thiểu số (Dao), do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Thị M.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

#### [2] **Về nội dung:**

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Vào khoảng 12 giờ ngày 27/12/2023, Đỗ Minh P đã khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng và cung cấp chất ma túy cho Triệu Thị M cùng sử dụng. Triệu Thị M có hành vi sử dụng nơi ở của mình làm địa điểm để cùng Đỗ Minh P sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Đỗ Minh P còn có hành vi cất giấu chất ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 5,511 gam trong người và trong phòng trọ của Triệu Thị M để sử dụng cho bản thân. Triệu Thị M nhìn thấy, biết rõ Đỗ Minh P phân chia ma túy và để chất ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 1,609gam trên bàn nhựa trong phòng trọ của M đang ở nhằm mục đích sử dụng nhưng Múi không có ý kiến gì, không ngăn cản đối với hành vi cất giấu ma túy của Đỗ Minh P.

Hành vi của bị cáo **Đỗ Minh P** đã đủ yếu tố cấu thành về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS. Hành vi của bị cáo **Triệu Thị M** đã đủ yếu tố cấu thành về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS, như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Các bị cáo có đủ nhận thức để biết được tác hại của ma túy và những quy định cấm của pháp luật đối với mọi

hành vi phạm tội về ma túy nhưng các bị cáo cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội rất nghiêm trọng. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

[2.3] Về vai trò, tính chất hành vi của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Đỗ Minh P đã khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng và cung cấp chất ma túy cho Triệu Thị M cùng sử dụng. Triệu Thị M có hành vi sử dụng nơi ở của mình làm địa điểm để cùng Đỗ Minh P sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Đỗ Minh P còn có hành vi cất giấu chất ma túy trong người và trong phòng trọ của Triệu Thị M để sử dụng cho bản thân. Triệu Thị M nhìn thấy, biết rõ Đỗ Minh P phân chia ma túy và để chất ma túy trong phòng trọ của M đang ở nhằm mục đích sử dụng nhưng Múi không có ý kiến gì, không ngăn cản đối với hành vi cất giấu ma túy của Đỗ Minh P. Do vậy mức án của bị cáo P cao hơn bị cáo M.

[2.4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Minh P và bị cáo Triệu Thị M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Triệu Thị M là người dân tộc thiểu số (Dao) sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo M có ông nội ruột có công với Cách mạng nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[2.5] Về áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.6] Về loại hình phạt áp dụng: Hành vi của các bị cáo là cố ý, thuộc trường hợp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương do đó Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

Do các bị cáo P, M phạm nhiều tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

[2.7] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng mục đích sử dụng cho bản thân, không thu lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[3] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Sirius, biển số 92N1-360.61. Qua điều tra xác định xe này của ông Trần Cảnh V1 (sinh năm 1976, trú: Khối phố F, phường A, thành phố T), ông V1 nhờ mẹ ruột là bà Lê Thị T2 (sinh năm 1950, trú: thôn P, xã T, huyện N) đứng tên chủ xe. Năm 2020, ông V1 bán xe máy nêu trên cho Nguyễn Ngọc K (sinh năm 1981, trú: 161 T, thành phố T). Ngày 10/3/2021, Nguyễn Ngọc K bán lại xe máy nêu trên cho Đỗ Minh Đ (sinh năm 2002, trú: Khối phố B, phường A, thành phố T). Đầu năm 2023, Đ cho Đỗ Minh P (là anh ruột) mượn xe máy nêu trên để đi làm nhân viên giao hàng. Đỗ Minh Đ không biết việc P sử dụng xe máy nêu trên để làm phương tiện phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe máy trên cho Đỗ Minh Đ là phù hợp.

- Đối với 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, vỏ màu đen có gắn sim 087671117 tạm giữ của Đỗ Minh P. Đây là phương tiện P sử dụng để liên lạc mua ma túy của người tên T1 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, gắn sim số 0333382461 và 0769557563 tạm giữ của Triệu Thị M. Múi khai sử dụng điện thoại này để liên lạc cá nhân và bán hàng online. Qua kiểm tra, không phát hiện thông tin liên quan đến hành vi phạm tội của M nên cần trả lại điện thoại trên cho bị cáo.

- Đối với số tiền 3.600.000 đồng tạm giữ của Đỗ Minh P. P khai đây là tiền cá nhân P có được từ việc đi làm nhân viên giao hàng (shipper), P cất giữ để tiêu xài cá nhân. Do số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] *Những vấn đề có liên quan trong vụ án:*

- Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Minh P, Triệu Thị M đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội. Công an thành phố T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này là đúng quy định.

- Đối với người thanh niên tên T1 bán ma túy cho Đỗ Minh P: qua điều tra, P khai không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể của T1; mỗi lần mua ma túy thì T1 là người chủ động liên hệ với P. Sau mỗi lần liên lạc mua ma túy, P đã xóa số điện thoại của T1 theo yêu cầu của T1. Cơ quan điều tra đã yêu cầu cơ quan viễn thông cung cấp lịch sử các cuộc gọi đến số điện thoại 0876711171 của P nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Do chưa xác định được lai lịch của người tên T1 nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

- Đối với bà Đặng Thị N (chủ nhà trọ số E T) không biết Triệu Thị M sử dụng phòng trọ của mình thuê ở để làm địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà N là phù hợp.

[5] Về án phí: bị cáo Đỗ Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Triệu Thị M là dân tộc thiểu số (Dao) cư trú tại địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Minh P** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh P** 05 (Năm) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 08 (T8) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2023.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Triệu Thị M** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Triệu Thị M** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 02 (H) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2023.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro, vỏ màu đen của Đỗ Minh P.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ Sim số thuê bao 087671117 tạm giữ của Đỗ Minh P;

+ Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, 01 bình thủy tinh, 01 ống hút nhựa; 01 nỏ thủy tinh cùng toàn bộ bao gói mẫu vật sau giám định. Tất cả được

niêm phong trong cùng 01 túi niêm phong mã số PS2 2016063 của Phòng K1 Công an tỉnh Q.

+ 01 (một) cân tiểu ly điện tử; 02 (hai) bật lửa gas; 03 (ba) đoạn ống hút nhựa màu trắng là dụng cụ P sử dụng để phân chia ma túy.

- Trả lại cho Triệu Thị M 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, gắn sim số 0333382461 và 0769557563.

*(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 22/5/2024)*

- Trả lại cho Đỗ Minh P số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền 3.600.000 đồng đang được gửi tại tài khoản tạm gửi số **3949.0.9092184.00000** của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 05/4/2024).

4. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Thị M.

Buộc bị cáo Đỗ Minh P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, thành phố;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quốc Thiện**